

Phụ lục 03
KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐƯA LAO ĐỘNG TỈNH SƠN LA
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2025-2030
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ			621.500.000	
B	NỘI DUNG CHI				
I	KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG			151.900.000	
1	Hỗ trợ chi phí ban đầu	1.000	17.400	17.400.000	
1.1	Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề	1.000	3.000	3.000.000	
1.2	Hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ	1.000	3.000	3.000.000	
1.3	Hỗ trợ chi phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết	1.000	530	530.000	
1.4	Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian đào tạo (tối đa 06 tháng)	1.000	7.200	7.200.000	
1.5	Hỗ trợ thêm tiền ở trong thời gian đào tạo (tối đa 06 tháng)	1.000	1.200	1.200.000	
1.6	Hỗ trợ tiền trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu	1.000	400	400.000	
1.7	Hỗ trợ chi phí đi lại	1.000	400	400.000	
1.8	Hỗ trợ tiền khám sức khỏe	1.000	750	750.000	
1.9	Hỗ trợ tiền làm hộ chiếu	1.000	200	200.000	
1.10	Hộ trợ tiền làm visa	1.000	520	520.000	
1.11	Hỗ trợ tiền cấp Phiếu lý lịch tư pháp	1.000	200	200.000	
2	Dự kiến xây dựng chính sách hỗ trợ tiền một lần cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	5.000	2.800	14.000.000	

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
3	Dự kiến Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn lao động (60 cơ sở giáo dục cấp trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh)	60	300.000	18.000.000	Dự kiến xây dựng chính sách của tỉnh hỗ trợ mỗi trường tối đa 30.000.000 đồng/lớp ngoại ngữ/khóa học; Mỗi trường được hỗ trợ không quá 02 lớp ngoại ngữ/năm học
4	Hỗ trợ cho vay vốn (tạm tính bình quân nhu cầu 01 lao động vay khoảng 100.000.000đ)	1.000	100.000	100.000.000	
	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương hằng năm uỷ thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Sơn La để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài	1.000	100.000	100.000.000	
5	Nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước trong 5 năm	5	500.000	2.500.000	Điều 5 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2021
II	KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG			469.600.000	
1	Hỗ trợ chi phí ban đầu	4.000	17.400	69.600.000	
1.1	Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề	4.000	3.000	12.000.000	Áp dụng theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ
1.2	Hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ	4.000	3.000	12.000.000	Áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016
1.3	Hỗ trợ chi phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết	4.000	530	2.120.000	Áp dụng theo điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2017

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
1.4	Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian đào tạo (tối đa 06 tháng)	4.000	7.200	28.800.000	Áp dụng theo điểm d khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2018
1.5	Hỗ trợ thêm tiền ở trong thời gian đào tạo (tối đa 06 tháng)	4.000	1.200	4.800.000	Áp dụng theo điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2019
1.6	Hỗ trợ tiền trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu	4.000	400	1.600.000	
1.9	Hỗ trợ chi phí đi lại	4.000	400	1.600.000	Áp dụng theo điểm đ khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2018
1.10	Hỗ trợ tiền khám sức khỏe	4.000	750	3.000.000	Áp dụng theo điểm d khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2018
1.11	Hỗ trợ tiền làm hộ chiếu	4.000	200	800.000	Áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2019
1.12	Hỗ trợ tiền làm visa	4.000	520	2.080.000	Áp dụng theo điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2020
1.13	Hỗ trợ tiền cấp Phiếu lý lịch tư pháp	4.000	200	800.000	Áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2021
2	Hỗ trợ cho vay vốn (tạm tính bình quân nhu cầu 01 lao động vay 100.000.000đ)	4.000	100.000	400.000.000	
	Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động (cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH xuất khẩu lao động hằng năm)	4.000	100.000	400.000.000	

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
C	NHU CẦU KINH PHÍ THEO TỪNG NĂM			621.500.000	
1	Năm 2026	700		88.240.000	
1.1	Ngân sách Trung ương	560		65.744.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	560	17.400	9.744.000	
	Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động (cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH xuất khẩu lao động hằng năm)	560	100.000	56.000.000	
1.2	Ngân sách tỉnh	140		22.496.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	140	17.400	2.436.000	
	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước	1	500.000	500.000	
	Dự kiến xây dựng chính sách hỗ trợ tiền một lần cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	700	2.800	1.960.000	
	Dự kiến Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn lao động	60	60.000	3.600.000	
	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương hằng năm ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Sơn La để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài	140	100.000	14.000.000	
2	Năm 2027	900		112.280.000	
2.1	Ngân sách Trung ương	720		84.528.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	720	17.400	12.528.000	
	Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động (cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH xuất khẩu lao động hằng năm)	720	100.000	72.000.000	

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
2.2	<i>Ngân sách tỉnh</i>	180		27.752.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	180	17.400	3.132.000	
	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước	1	500.000	500.000	
	Dự kiến xây dựng chính sách hỗ trợ tiền một lần cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	900	2.800	2.520.000	
	Dự kiến Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn lao động	60	60.000	3.600.000	
	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương hằng năm uỷ thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Sơn La để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài	180	100.000	18.000.000	
3	Năm 2028	1.100		136.320.000	
3.1	<i>Ngân sách Trung ương</i>	880		103.312.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	880	17.400	15.312.000	
	Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động (cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH xuất khẩu lao động hằng năm)	880	100.000	88.000.000	
3.2	<i>Ngân sách tỉnh</i>	220		33.008.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	220	17.400	3.828.000	
	Nguồn kinh phí tuyên truyền triển khai thực hiện Đề án trong 5 năm	1	500.000	500.000	
	Dự kiến xây dựng chính sách hỗ trợ tiền một lần cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	1.100	2.800	3.080.000	
	Dự kiến Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn lao động	60	60.000	3.600.000	
	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương hằng năm uỷ thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Sơn La để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài	220	100.000	22.000.000	

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
4	Năm 2029	1.100		136.320.000	
4.1	Ngân sách Trung ương	880		103.312.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	880	17.400	15.312.000	
	Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động (cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH xuất khẩu lao động hằng năm)	880	100.000	88.000.000	
4.2	Ngân sách tỉnh	220		33.008.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	220	17.400	3.828.000	
	Nguồn kinh phí tuyên truyền triển khai thực hiện Đề án trong 5 năm	1	500.000	500.000	
	Dự kiến xây dựng chính sách hỗ trợ tiền một lần cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	1.100	2.800	3.080.000	
	Dự kiến Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn lao động	60	60.000	3.600.000	
	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương hằng năm ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Sơn La để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài	220	100.000	22.000.000	
5	Năm 2030	1.200		148.340.000	
5.1	Ngân sách Trung ương	960		112.704.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	960	17.400	16.704.000	
	Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động (cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH xuất khẩu lao động hằng năm)	960	100.000	96.000.000	

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
5.2	Ngân sách tỉnh	240		35.636.000	
	Hỗ trợ chi phí ban đầu	240	17.400	4.176.000	
	Nguồn kinh phí tuyên truyền triển khai thực hiện Đề án trong 5 năm	1	500.000	500.000	
	Dự kiến xây dựng chính sách hỗ trợ tiền một lần cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	1.200	2.800	3.360.000	
	Dự kiến Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn lao động	60	60.000	3.600.000	
	Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương hằng năm uỷ thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Sơn La để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài	240	100.000	24.000.000	